

Điểm chuẩn Đại học Tân Trào năm 2018

Trường đại học Tân Trào thông báo tuyển sinh 840 chỉ tiêu đối với các ngành đào tạo Đại học và Cao đẳng, dành cho thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

Năm 2017, điểm chuẩn trúng tuyển vào trường cho các ngành đào tạo đại học là 15,5 điểm và 10 điểm đối với các ngành cao đẳng.

Chú ý: [Điểm chuẩn](#) dưới đây là tính cho thí sinh ở KV3. Mỗi đối tượng ưu tiên kế tiếp giảm 1 điểm, khu vực ưu tiên kế tiếp giảm 0,25 điểm.

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp môn	Điểm chuẩn	Ghi chú
1	7140201	Giáo dục Mầm non	M00	17	Điểm chuẩn học bạ: 18 điểm
2	7140202	Giáo dục Tiểu học	A00; C00; D01	17	Điểm chuẩn học bạ: 18 điểm
3	7140209	Sư phạm Toán học	A00; A01; B00	17	Điểm chuẩn học bạ: 18 điểm
4	7140213	Sư phạm Sinh học	A00, B00; B04	17	Điểm chuẩn học bạ: 18 điểm
5	7229030	Văn học	C00; C19; C20; D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
6	7229042	Quản lý văn hoá	C00; C19; D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
7	7340301	Kế toán	A00; A01; D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
8	7440102	Vật lý học	A00; A01; A10	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
9	7440301	Khoa học môi trường	A00; A01; B00	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
10	7620105	Chăn nuôi	A00; A01; B00	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
11	7620110	Khoa học cây trồng	A00; A01; B00	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
12	7620115	Kinh tế nông nghiệp	A00; A01; B00	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
13	7760101	Công tác xã hội	C00; C19; D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
14	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	C00; C19; C20; D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
15	7850103	Quản lý đất đai	A00; A01; B00	15	Điểm chuẩn học bạ: 15 điểm
16	51140201	Giáo dục Mầm non (hệ cao đẳng)	M00	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
17	51140202	Giáo dục Tiểu học (hệ cao đẳng)	A00, C00, D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
18	51140204	Giáo dục Công dân	C00, C03, C19,	15	Điểm chuẩn học



		(hệ cao đẳng)	D01		bạ: 16 điểm
19	51140209	Sư phạm Toán học (hệ cao đẳng)	A00, A01, B00	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
20	51140210	Sư phạm Tin học (hệ cao đẳng)	A00, A01, B00	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
21	51140212	Sư phạm Hoá học (hệ cao đẳng)	A00, B00,	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
22	51140213	Sư phạm Sinh học (hệ cao đẳng)	A00, B00, B04	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
23	51140215	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp (hệ cao đẳng)	A00, B00, B04	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
24	51140217	Sư phạm Ngữ văn (hệ cao đẳng)	C00, C19, C20, D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
25	51140218	Sư phạm Lịch sử (hệ cao đẳng)	A08, C00, C19, D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm
26	51140219	Sư phạm Địa lý (hệ cao đẳng)	A00, C00, C20, D01	15	Điểm chuẩn học bạ: 16 điểm

Phương án tuyển sinh của trường Đại học Tân Trào năm 2019

Trường Đại học Tân Trào công bố phương án tuyển sinh đại học của trường năm 2019 theo 3 phương thức như sau:

Phương thức xét tuyển: Xét tuyển

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng các thí sinh đạt giải nhất, nhì ba trong kì thi Học sinh giỏi cấp quốc gia, đạt giải nhất, nhì ba trong Hội thi Khoa học kĩ thuật cấp quốc gia, HS trường chuyên có học lực giỏi 3 năm, HS đạt giải nhất, nhì, ba trong kì thi học sinh giỏi cấp tỉnh.

Phương thức 2: Xét tuyển căn cứ vào kết quả kì thi THPT Quốc gia

Phương thức 3: Xét tuyển căn cứ vào kết quả kì thi THPT Quốc Gia

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển(theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy, tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ giáo dục và Đào tạo)



Trường Đại học Tân Trào thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng chính quy năm 2019, như sau:

1. Thông tin tuyển sinh

a) Mã trường: TQU

b) Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

c) Phạm vi tuyển sinh: Trong cả nước.

d) Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển

Phương thức 1: Xét tuyển thẳng các thí sinh đạt giải nhất, nhì ba trong kỳ thi Học sinh giỏi cấp quốc gia, đạt giải nhất, nhì ba trong Hội thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, HS trường chuyên có học lực giỏi 3 năm, HS đạt giải nhất, nhì, ba trong kì thi Học sinh giỏi cấp tỉnh.

Phương thức 2: Xét tuyển căn cứ vào kết quả học tập tại trường THPT.

Phương thức 3: Xét tuyển căn cứ vào kết quả kỳ thi THPT quốc gia

- Thí sinh thuộc diện ưu tiên được cộng điểm ưu tiên theo mức điểm được hưởng vào tổng điểm chung để xét tuyển (theo Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

TÊN NGÀNH, MÃ NGÀNH, TỔ HỢP MÔN XÉT TUYỂN

STT	Ngành học	Mã ngành	Môn xét tuyển
I.	Các ngành đào tạo đại học:		
1	Giáo dục Mầm non	7140201	1. Toán, Văn, Năng khiếu.
2	Giáo dục Tiểu học	7140202	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, Địa;
3	Sư phạm Toán học	7140209	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
4	Sư phạm Sinh học	7140213	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Hóa, Sinh; 3. Toán, Sinh, GD&ĐT;
5	Kế toán	7340301	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh;
6	Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành	7810103	1. Toán, Văn, Tiếng Anh; 2. Văn, Sử, Địa; 3. Văn, Sử, GD&ĐT; 4. Văn, Địa, GD&ĐT.
7	Vật lý học (chuyên ngành Vật lý môi trường)	7440102	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Lý, GD&ĐT.

8	Khoa học môi trường	7440301	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
9	Khoa học cây trồng	7620110	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
10	Chăn nuôi	7620105	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
11	Kinh tế Nông nghiệp	7620115	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh;
12	Văn học (chuyên ngành Văn truyền thống)	7229030	1. Văn, Sử, Địa; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, GD&ĐT; 4. Văn, Địa, GD&ĐT.
13	Quản lý đất đai	7850103	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
14	Quản lý văn hóa	7229042	1. Văn, Sử, Địa; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, GD&ĐT;
15	Công tác xã hội	7760101	1. Văn, Sử, Địa; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, GD&ĐT;
II.	Các ngành đào tạo cao đẳng:		
1	Kế toán	6340301	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh;



			3. Toán, Văn, Tiếng Anh;
2	Quản lý đất đai	6850102	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
3	Tiếng Anh	6220206	1. Toán, Lý, Tiếng Anh; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, Tiếng Anh; 4. Văn, Địa, Tiếng Anh.
4	Quản lý Văn hóa	6340436	1. Văn, Sử, Địa; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, GDCD;
5	Quản trị văn phòng	6340403	1. Toán, Lý, Tiếng Anh; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, Địa;
6	Khoa học cây trồng	6620109	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
7	Khoa học thư viện	6320206	1. Toán, Lý, Tiếng Anh; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, Địa;
8	Giáo dục Tiểu học	51140202	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, Địa;
9	Giáo dục Mầm non	51140201	1. Toán, Văn, Năng khiếu.



10	Giáo dục Công dân	51140204	1. Văn, Sử, Địa; 2. Toán, Văn, Sử; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh; 4. Văn, Sử, GD&ĐT.
11	Sư phạm Toán học	51140209	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
12	Sư phạm Tin học	51140210	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Hóa, Sinh;
13	Sư phạm Hóa học	51140212	1. Toán, Hóa, Sinh; 2. Toán, Lý, Hóa;
14	Sư phạm Sinh học	51140213	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Hóa, Sinh; 3. Toán, Sinh, GD&ĐT;
15	Sư phạm Kỹ thuật nông nghiệp	51140215	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Hóa, Sinh; 3. Toán, Sinh, GD&ĐT;
16	Sư phạm Ngữ văn	51140217	1. Văn, Sử, Địa; 2. Toán, Văn, Tiếng Anh; 3. Văn, Sử, GD&ĐT; 4. Văn, Địa, GD&ĐT.
17	Sư phạm Lịch sử	51140218	1. Toán, Văn, Tiếng Anh; 2. Văn, Sử, Địa; 3. Văn, Sử, GD&ĐT; 4. Toán, Sử, GD&ĐT.
18	Sư phạm Địa lý	51140219	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Văn, Sử, Địa; 3. Toán, Văn, Tiếng Anh; 4. Văn, Địa, GD&ĐT.
19	Sư phạm vật lý	51140211	1. Toán, Lý, Hóa; 2. Toán, Lý, Tiếng Anh; 3. Toán, Lý, GD&ĐT;



VnDoc

e) Tổ chức tuyển sinh:

- Thời gian tuyển sinh: Từ tháng 3 đến tháng 12 năm 2019.
- Nhà trường nhận đăng ký xét tuyển/thi tuyển theo 3 hình thức:
 - + Đăng ký xét tuyển trực tuyến.
 - + Nhận hồ sơ qua đường bưu điện.
 - + Nộp hồ sơ trực tiếp tại trường Đại học Tân Trào.

Địa chỉ nhận hồ sơ trực tiếp và gửi qua bưu điện: Phòng Đào tạo, Trường Đại học Tân Trào, km6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang.

f) Lệ phí xét tuyển/thituyển:

- Lệ phí xét tuyển: 30.000đ/hồ sơ.
- Lệ phí thi tuyển môn Năng khiếu (ngành GD Mầm non): 300.000đ/hồ sơ.

g) Hồ sơ đăng ký xét tuyển

- Phiếu đăng ký xét tuyển (Theo mẫu);
- Bản chính giấy chứng nhận kết quả thi THPT quốc gia năm 2019 (nếu xét tuyển bằng điểm thi THPT Quốc gia);
- Bản sao học bạ THPT (nếu xét tuyển bằng kết quả học tập lớp 12);
- Bản sao bằng tốt nghiệp hoặc giấy chứng nhận tốt nghiệp THPT tạm thời;
- Bản sao hợp lệ các loại giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có);
- Một phong bì ghi rõ địa chỉ liên lạc của thí sinh để Nhà trường thông báo kết quả xét tuyển.

2. Chính sách ưu tiên

- a) Sinh viên đại học được miễn 100% học phí năm đầu và các năm tiếp theo nếu đạt học lực Khá trở lên đối với:
 - Học sinh đạt giải Ba trở lên trong các kì thi chọn học sinh Giỏi cấp khu vực, cấp quốc gia; đạt huy chương quốc tế, khu vực;
 - Học sinh đạt giải Nhất trong kì thi học sinh Giỏi cấp tỉnh;
 - 10 học sinh/01 ngành học có điểm trúng tuyển cao nhất.
- b) Sinh viên đại học chính quy được ở miễn phí tại ký túc xá hoặc được hỗ trợ tiền thuê nhà.
- c) Sinh viên đạt loại Giỏi trở lên ngoài học bổng khuyến khích còn được hỗ trợ thêm 100% - 150% mức học bổng theo quy định.
- d) Sinh viên tốt nghiệp đạt loại Giỏi trở lên được ưu tiên tuyển chọn giữ lại Trường làm giảng viên và được cử đi học tập ở nước ngoài; được ưu tiên xét tuyển làm viên chức trong các đơn vị sự nghiệp của tỉnh Tuyên Quang.
- e) Sinh viên có nguyện vọng được quan tâm đào tạo về ngoại ngữ và được nhà trường hỗ trợ đi thực tập, đào tạo tại nước ngoài.

Mọi chi tiết liên hệ: Tổ tư vấn tuyển sinh, Phòng Đào tạo, Trường Đại học Tân Trào, km 6, xã Trung Môn, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang. Điện thoại: 0207 3892012. Hotline: 0326 626 888

Mời bạn đọc cùng tham khảo thêm tại <https://vndoc.com/thi-thpt-quoc-gia>



vndoc

VnDoc - Tài liệu, văn bản pháp luật, biểu mẫu miễn phí